

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 165/2021/HS-ST

Ngày: 26/10/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Liễu**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**,
Ông **Lưu Văn Có**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 145/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/HSST-QĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 và các thông báo khác đối với bị cáo:

Phạm Văn V, sinh năm 1992 tại Khánh H; Nơi cư trú: 32/1 Tân H, Bình T, phường Vĩnh T, Nha T, Khánh H; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm X, Con bà Nguyễn Thị H;

Tiền án:

- Bản án số 68A/HSST ngày 05/4/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Nha T xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2014, chưa đóng án phí.

- Bản án số 112/HSST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Nha T xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/4/2018, đóng án phí ngày 19/8/2016.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt.

* **Bị hại:** Bà **Cao Thị Xuân Th**, sinh năm 1985

HKTT: Thủy Đ, Ninh T, Ninh H, Khánh H

Chỗ ở: 12/2B Đông P, Phước L, Nha T, Khánh H.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Cao K**, sinh năm 1963*
Địa chỉ: 27 đường 7B Phước L, Nha T, Khánh H.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 24/6/2019, Phạm Văn V điều khiển xe máy kiểu Wave (không rõ biển kiểm soát) đi trên các tuyến đường trong địa bàn thành phố Nha T xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân. Khi đi ngang qua khu dãy nhà trọ tại địa chỉ số: 12/2B Đông P, phường Phước L, thành phố Nha T, V phát hiện thấy phòng trọ của chị Cao Thị Xuân T (sinh năm: 1985, trú tại: Thủy Đ, Ninh T, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh H) không có người nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong phòng trọ tìm tài sản để trộm cắp. V dùng cây sắt mang theo sẵn trong người, phá cửa phòng trọ, đột nhập vào bên trong phòng trọ lấy trộm được 01 máy tính bảng Ipad 3 màu xám đang để dưới nền nhà và 01 vòng tay bằng vàng, 01 lắc đeo tay bằng vàng, 01 đôi bông tai bằng vàng, 02 nhẫn đeo tay bằng vàng trong tủ quần áo của chị T, sau đó V bỏ tất cả tài sản trộm cắp được vào trong túi áo rồi bỏ đi.

Sau khi lấy trộm được số tài sản trên, V cầm 01 vòng tay bằng vàng; 01 lắc bi đeo tay bằng vàng; 01 đôi bông tai bằng vàng và 02 nhẫn đeo tay bằng vàng đi đến tiệm vàng Minh T, địa chỉ: sạp 8-9 chợ Bình T, phường Phước L, thành phố Nha T bán cho anh Nguyễn Cao K (sinh năm: 1963, trú tại: số 27 đường 7B phường Phước L, thành phố Nha T là chủ tiệm vàng Minh T) được 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Vũ đã tiêu dùng cá nhân hết số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng), còn lại 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, chị T đến Công an phường Phước L trình báo sự việc.

Quá trình truy xét, ngày 25/6/2019, Cơ quan Công an đã đưa Phạm Văn V về trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, Phạm Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá số: 488/HĐĐG ngày 06/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nha T kết luận:

- 01 vòng tay nữ có chất lượng vàng 61%, trọng lượng: 1,53 chỉ có giá trị là: 3.650.580 đồng.

- 01 đôi bông tai nữ có chất lượng vàng 61%, trọng lượng: 0,52 chỉ có giá trị là: 1.240.720 đồng.

- 01 lắc bi nữ có chất lượng vàng 65%, trọng lượng: 0,58 chỉ có giá trị là: 1.474.940 đồng.

Tại bản kết luận định giá số: 651/HĐĐG ngày 10/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nha T kết luận:

- 01 nhẫn vàng tây, trọng lượng: 0,28 chỉ có giá trị là: 855.000 đồng.

- 01 nhẫn vàng tây, trọng lượng: 0,28 chỉ có giá trị là: 960.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số: 60/HĐĐG ngày 25/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Nha T kết luận:

- 01 máy tính bảng Ipad 3, màu xám, 16 GB có giá trị: 2.200.000 đồng

Tổng giá trị tài sản Phạm Văn V đã trộm cắp là: 10.381.240 đồng.

Tại bản cáo trạng số 127/CT-VKSNT ngày 29/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố Phạm Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã giữ nguyên kết luận truy tố bị cáo Phạm Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Bị cáo Phạm Văn V khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại và người liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Theo cáo trạng truy tố cho thấy, tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ để xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 24/6/2019, tại dãy nhà trọ địa chỉ số 12/2B Đông P, phường Phước L, thành phố Nha T, tỉnh Khánh H, Phạm Văn V đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 Ipad 3, màu xám, 16GB; 01 vòng tay nữ bằng vàng chất lượng 61%, 1,53 chỉ; 01 đôi bông tai nữ bằng vàng chất lượng 61%, 0,52 chỉ; 01 lắc bi nữ bằng vàng chất lượng

65%, 0,58 chỉ; 01 nhẫn vàng tây 0,28 chỉ và 01 nhẫn vàng tây 0,28 chỉ của chị Cao Thị Xuân T. Tổng giá trị tài sản Phạm Văn V đã trộm cắp là: 10.381.240 đồng (Mười triệu ba trăm tám mươi một nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do coi thường pháp luật, muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương.

Bản thân bị cáo có hai tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội lần này cần áp dụng tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm khắc.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đảm bảo mục đích của hình phạt, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật và đủ tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại Cao Thị Xuân T và người liên quan Nguyễn Cao K có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo bồi thường như sau: Bị hại Cao Thị Xuân T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); người có quyền và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Cao K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của bị hại và người liên quan cụ thể như sau: Bị cáo Phạm Văn V bồi thường số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Cao Thị Xuân T và bồi thường số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Nguyễn Cao K. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo Phạm Văn V, bị hại Cao Thị Xuân T và người liên quan Nguyễn Cao K. Như vậy, bị cáo Vũ có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Cao Thị Xuân T số tiền là 1.500.000 đồng và có nghĩa vụ bồi thường cho người liên quan Nguyễn Cao K số tiền là 3.500.000 đồng.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với số tiền 5.000.000 đồng, đây là số tiền mà bị cáo bán được số vàng đã trộm cắp nhưng chưa dùng hết, được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha Trang thu giữ và nộp tại Kho bạc nhà nước ngày 10/5/2021. Đây là số tiền mà

bị cáo phạm tội mà có, bị hại và người liên quan có yêu cầu bồi thường nên cần phải tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn V.

[2] Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn V 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo Phạm Văn V, bị hại Cao Thị Xuân T và người liên quan Nguyễn Cao K cụ thể như sau: Bị cáo Phạm Văn V có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Cao Thị Xuân T số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) và có nghĩa vụ bồi thường cho người liên quan Nguyễn Cao K số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm đồng*).

[4] Về vật chứng vụ án: Tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha Trang nộp tại Kho bạc nhà nước ngày 10/5/2021 để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh H;
- VKSND tỉnh Khánh H;
- VKSND TP. Nha T;
- Chi Cục THADS TP. Nha T;
- Bị cáo, bị hại;
- Công an TP. Nha T;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh H;
- Lưu án văn, hs.

Bùi Thị Bích Liễu